**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC THÁNG 2 /2025**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **Lĩnh vực phát triển thể chât** | | | | |
| **Mục tiêu** | **Các hình thức giáo dục** | | | |
| **Sinh hoạt** | **Giờ học** | **HĐNT** | **Kỹ năng** |
| 1. **Phát triển vận động**   1/ Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi  2/ Trẻ thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể)  2/ | + Hô hấp: tập hít vào, thở ra.  + Tay: bài tập 3: 2 tay đưa sang ngang, cao bằng vai.  + Bụng: bài tập 3: vặn người sang 2 bên  + Chân: bài tập 1: ngồi xuống, đứng lên | + Hô hấp: tập hít vào, thở ra.  + Tay: bài tập 3: 2 tay đưa sang ngang, cao bằng vai.  + Bụng: bài tập 3: vặn người sang 2 bên  + Chân: bài tập 1: ngồi xuống, đứng lên  + Ném bóng vào đích. + Đứng co một chân. + Bước qua vật cản. | + Đứng co 1 chân.  + Ném bóng về phía trước.  + Bật qua vạch kẻ.  + Ném bóng vào đích. | + Trẻ biết cách chơi và hứng thú tham gia trò chơi.  + Trẻ chủ động chơi và chơi cạnh bạn. |
| 3/Thực hiện các cử động bàn tay, ngón tay | + Xúc cơm, uống nước.  + Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. |  |  | - Chắp ghép hình.  - Tập cầm bút tô, vẽ.  - Lật mở trang sách.  - Tập xâu, luồn dây. |
| 1. ***Giáo dục dinh dưỡng và sức khoẻ***   1/ Trẻ thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. | - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.  - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống.  - Trẻ luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa. |  |  | - Trẻ biết cầm muỗng xúc cơm, cầm ly uống nước. |
| 2/ Trẻ có khả năng thực hiện một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân, giữ gìn sức khỏe | + Xúc cơm, uống nước.  + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt.  + Chuẩn bị chỗ ngủ.  + Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.  + Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.  - Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...). | - Cô rèn cho trẻ kỹ năng mặc quần áo, đi dép. |  | -Trẻ biết đi dép, đi vệ sinh. - Trẻ lấy gối về chỗ ngủ. |
| 1. **Lĩnh vực phát triển nhận thức** | | | | |
| **Mục tiêu** | **Các hình thức giáo dục** | | | |
| **Sinh hoạt** | **Giờ học** | **HĐNT** | **Kỹ năng** |
| Trẻ thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. | - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc .  - Sờ nắn, nhìn, ngửi... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. | - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua) | -Cho trẻ quan sát trái thanh long. | Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. |
| Trẻ có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản | Tên gọi của các loại quả, con vật quen thuộc. | -Sờ nắn đồ vật và đồ chơi để nhận biết được cứng-mềm, trơn nhẵn-xù xì. |  |  |
| Trẻ có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc. | - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc  - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua) | - Tên gọi, tiếng kêu của con vật :con gà trống, con mèo, con chó, gà mái,.. - Tên gọi, vị của quả thanh long, quả thơm. - Phân biệt được quả to – quả nhỏ. |  | Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng. |
| 1. **Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ** | | | | |
| **Mục tiêu** | **Các hình thức giáo dục** | | | |
| **Sinh hoạt** | **Giờ học** | **HĐNT** | **Kỹ năng** |
| Trẻ biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. | - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây? | Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. Truyện: Gà mái hoa mơ  - Trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây? (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...) | Quan sát con gà mái. |  |
| Trẻ sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. | - Phát âm rõ tiếng.  - Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.  - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.  - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. | - Bài thơ: Cái bát - Bài thơ : Hoa kết trái. |  | - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc.  - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.  - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn |
| Trẻ hồn nhiên trong giao tiếp. | - Chào hỏi, trò chuyện.  - Lắng nghe khi người lớn đọc sách.  - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. |  |  | - Lắng nghe khi người lớn đọc sách.  - Phát âm rõ tiếng. |
| 1. **Lĩnh vực phát triển tình cảm - xã hội thẩm mỹ** | | | | |
| **Mục tiêu** | **Các hình thức giáo dục** | | | |
| **Sinh hoạt** | **Giờ học** | **HĐNT** | **Kỹ năng** |
| Trẻ có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những ngư­ời gần gũi. | Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. | - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. | - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. |  |
| Trẻ có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. | Thực hiện yêu cầu đơn giản của cô giáo.  Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cấu bạn.  Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...). |  |  | - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định. |
| Trẻ thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện. |  | - Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc.  + Gà trống, mèo con và cún con.  - Vẽ các đường nét khác nhau, di mầu, dán, nặn,  xếp hình.  - Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/bản nhạc quen thuộc. |  | **-** Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ.  - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. |